TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 132/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông N.V.T, sinh ngày 04/5/1978, CCCD số 079xxxxxxx43

Địa chỉ: 126 đường K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà T.T.V, sinh ngày 09/01/1977, CCCD số 080xxxxxxx28

Địa chỉ: 126 đường K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông N.V.T và bà T.T.V tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 22 tháng 3 năm 2008.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N.V.T và bà T.T.V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là N.T.H.N (sinh ngày 16/7/2004) và N.T.H.H (sinh ngày 14/11/2005), đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giấy đăng ký kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 22 tháng 3 năm 2008 không còn hiệu lực.

3. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu việc dân sự là 300.000 đồng, ông N.V.T và bà T.T.V chịu, nhưng được trừ đi 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0002047 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N.V.T và bà T.T.V đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – TP.HCM;
- UBND phường Bến Thành, TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Phú Oanh

TAND KHU VỰC 1

3MQ230226.TL.QDBA 9119